

# KHỦNG HOẢNG TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN TRONG XÃ HỘI SỐ: MỘT TIẾP CẬN TỪ TRIẾT HỌC HIỆN SINH

TRẦN THỊ THẢO<sup>(\*)</sup>

**Phân ngành:** Triết học - Xã hội học - Chính trị học

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích hiện tượng khủng hoảng trách nhiệm cá nhân trong xã hội số từ góc nhìn triết học hiện sinh. Trong cách tiếp cận này, trách nhiệm không chỉ được hiểu như một chuẩn tắc đạo đức hay pháp lý, mà gắn liền với tự do và với tư cách chủ thể của hành động. Trên cơ sở phân tích các quan niệm hiện sinh về tự do, lựa chọn và trách nhiệm của chủ thể hành động, bài viết xem xét cách mà môi trường số làm biến đổi điều kiện trong đó cá nhân kinh nghiệm hành động của chính mình.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích khái niệm kết hợp với tổng quan chọn lọc các nghiên cứu liên ngành về xã hội số. Kết quả cho thấy sự suy yếu của trách nhiệm cá nhân trong môi trường số không xuất phát từ việc cá nhân mất đi tự do, mà từ những biến đổi trong cách hành động được trải nghiệm. Tính ẩn danh làm mờ vai trò tác giả của hành vi; tốc độ và tính phân tán của tương tác trực tuyến làm suy yếu cảm nhận về cam kết; trong khi các cấu trúc tương tác được thiết kế sẵn của nền tảng có thể hạn chế khả năng tự phản tư của cá nhân đối với lựa chọn của mình.

Từ đó, bài viết cho rằng khủng hoảng trách nhiệm trong xã hội số phản ánh sự căng thẳng giữa điều kiện hiện sinh của tự do và những hình thức hành động được trung gian bởi công nghệ. Cách tiếp cận này góp phần bổ sung góc nhìn triết học cho nghiên cứu về xã hội số đương đại.

**Từ khóa:** Chủ thể hành động; Trách nhiệm cá nhân; Tự do hiện sinh; Xã hội số.

## THE CRISIS OF PERSONAL RESPONSIBILITY IN THE DIGITAL SOCIETY: AN APPROACH FROM EXISTENTIAL PHILOSOPHY

**Abstract:** This article examines the crisis of personal responsibility in the digital society from the perspective of existential philosophy. In this approach, responsibility is not understood merely as a moral or legal norm but tie to freedom and subject of action. On the basis of existential conceptions of freedom, choice, responsibility of the subject of action, the article explores how digital environments transform the conditions in which the individuals experience and enact their actions.

The study uses a conceptual analysis method combined with a selective review of interdisciplinary research on digital society. The results show that the weakening of personal responsibility in digital contexts does not primarily result from a loss of individual freedom, but from change how actions are experienced. Anonymity tends to

---

<sup>(\*)</sup> Trung tâm Lý luận Chính trị & Giáo dục Thể chất, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

obscure the authorship of behavior, the speed and fragmentation of online interactions weaken the sense of commitment associated with one's decisions, and platform-structured forms of communication may limit the individual's capacity for reflective engagement with their own choices.

The article therefore argues that the crisis of responsibility in digital society reflects the tension between the existential conditions of human freedom and technologically mediated forms of action. This approach contributes to the addition of a philosophical perspective to the study of contemporary digital society.

**Keywords:** *Digital society; Existential freedom; Personal responsibility; Subject of action.*

*Ngày nhận bài: 03/12/2025; Ngày gửi phản biện: 05/12/2025; Ngày sửa chữa: 16/01/2026; Ngày duyệt đăng bài: 09/02/2026.*

### 1. Giới thiệu

Quá trình chuyển đổi số không chỉ làm biến đổi phương thức tổ chức đời sống xã hội, mà còn làm thay đổi các điều kiện trong đó cá nhân hình thành và thực hiện hành động. Khi giao tiếp và tham gia xã hội ngày càng diễn ra thông qua các nền tảng công nghệ, mối liên hệ giữa hành động và chủ thể không còn được xác lập theo hình thức trực tiếp. Sự biến đổi này đặt lại vấn đề trách nhiệm cá nhân không chỉ ở bình diện chuẩn tắc, mà ở cấp độ điều kiện cho phép chủ thể nhận mình là tác giả của hành động.

Trong môi trường số, hành động thường được thực hiện thông qua nhiều tầng trung gian kỹ thuật và chịu ảnh hưởng của các động lực tập thể. Hệ quả của hành động có thể lan truyền nhanh chóng và vượt ra ngoài phạm vi kiểm soát của chủ thể ban đầu. Trong những điều kiện như vậy, việc quy chiếu trách nhiệm trở nên phức tạp hơn, đồng thời làm nảy sinh xu hướng chuyển dịch trách nhiệm về phía hoàn cảnh, cộng đồng trực tuyến hoặc các cấu trúc kỹ thuật của nền tảng. Do đó, vấn đề không chỉ nằm ở sự thay đổi của hành vi, mà còn ở cách cá nhân hiểu và tự quy chiếu hành động của chính mình.

Các nghiên cứu về xã hội số hiện nay đã phân tích khá toàn diện những tác động của công nghệ đối với cấu trúc tương tác xã hội, đạo đức truyền thông và quản trị dữ liệu. Tuy nhiên, phần lớn các tiếp cận này tập trung vào bình diện chuẩn tắc hoặc thể chế, trong khi chiều kích hiện sinh của trách nhiệm cá nhân vẫn chưa được làm rõ một cách hệ thống. Trách nhiệm, xét như hệ quả của tự do lựa chọn, cần được khảo sát lại trong bối cảnh hành động ngày càng diễn ra dưới sự trung gian hóa liên tục của công nghệ.

Từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết tiếp cận vấn đề từ lập trường triết học hiện sinh, trong đó trách nhiệm không được hiểu như một chuẩn tắc bên ngoài áp đặt lên hành vi, mà như hệ quả tất yếu của tự do lựa chọn và khả năng tự quy chiếu hành động. Trên cơ sở này, bài viết đặt ra câu hỏi: Trong xã hội số, trách nhiệm cá nhân được xác lập và bị thách thức như thế nào khi các điều kiện hành động ngày càng bị trung gian hóa bởi công nghệ?

Khung hoảng trách nhiệm trong bối cảnh này không chỉ biểu hiện như sự suy giảm các chuẩn mực đạo đức, mà trước hết là sự gián đoạn trong khả năng của chủ thể nhận mình là tác giả của hành động trong tính liên tục của thời gian. Do đó, mục tiêu của

nghiên cứu không dừng lại ở việc mô tả sự biến đổi của hành vi, mà nhằm phân tích mối liên hệ giữa tự do, lựa chọn và trách nhiệm trong điều kiện đời sống số, qua đó làm rõ những cơ chế dẫn đến sự suy yếu trong kinh nghiệm trách nhiệm của chủ thể. Bài viết không chỉ vận dụng triết học hiện sinh như một hệ quy chiếu diễn giải, mà sử dụng nó như cơ sở để tái xác lập ý nghĩa của trách nhiệm ở cấp độ tồn tại của chủ thể trong điều kiện xã hội số.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Tổng quan về vấn đề**

Trách nhiệm cá nhân là một khái niệm quan trọng của triết học đạo đức và khoa học xã hội, bởi nó gắn trực tiếp với khả năng con người lựa chọn và tự chịu trách nhiệm đối với hành động của mình. Ở các hình thức xã hội trước thời kỳ số hóa, trách nhiệm thường được xác lập thông qua hệ thống chuẩn mực, vai trò và thiết chế xã hội tương đối ổn định. Nhờ đó, hành vi thường có thể được quy về một chủ thể cụ thể, đồng thời hệ quả của hành vi cũng có thể được nhận diện trong một trật tự xã hội có mức độ dự báo nhất định.

Sự phát triển của xã hội số không làm mất đi các nền tảng này, nhưng đã làm thay đổi cách thức hành động được thực hiện và được quy trách nhiệm. Trong môi trường số, hành động của cá nhân thường diễn ra thông qua các nền tảng công nghệ, hệ thống dữ liệu và các cơ chế thuật toán. Những yếu tố trung gian này khiến mối liên hệ giữa chủ thể hành động và hệ quả của hành động trở nên phức tạp hơn. Vì vậy, trong các nghiên cứu đương đại, vấn đề trách nhiệm cá nhân được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Có thể khái quát ba hướng tiếp cận chính: hướng chuẩn tắc - thể chế; hướng xã hội học và truyền thông; và hướng tiếp cận hiện sinh.

*Thứ nhất, trong hướng chuẩn tắc và thể chế*, trách nhiệm được xem xét chủ yếu trong khuôn khổ đạo đức ứng dụng, pháp lý và quản trị công nghệ. Các nghiên cứu của Floridi và Taddeo đề xuất những khung đạo đức cho đời sống số, tập trung vào các vấn đề như quyền riêng tư, sự đồng thuận, tổn hại trực tuyến và trách nhiệm của các nền tảng công nghệ (Floridi & Taddeo, 2025). Ở bình diện tổ chức, Elliott và cộng sự phân tích trách nhiệm trong các hệ thống ra quyết định phức hợp, đặc biệt là những rủi ro xã hội phát sinh khi quyền lực được giao cho các cơ chế thiếu minh bạch và khó giải trình (Elliott et al., 2021). Hassan xem xét vấn đề trách nhiệm từ góc độ biến đổi của thời tính xã hội trong môi trường số. Ông cho rằng quá trình tính toán hóa và tăng tốc của truyền thông số đang làm thay đổi nhịp điệu của đời sống xã hội, từ đó ảnh hưởng đến cách các cá nhân và thiết chế thực hiện và phân bổ trách nhiệm trong các quyết định công cộng (Hassan, 2018). Những nghiên cứu này cung cấp cơ sở quan trọng cho việc xây dựng các quy định và chuẩn mực trong xã hội số, tuy nhiên trách nhiệm chủ yếu vẫn được xem như một vấn đề quản trị hơn là một đặc điểm gắn với lựa chọn của cá nhân.

*Thứ hai, trong hướng xã hội học và truyền thông*, trách nhiệm được phân tích trong mối liên hệ với các điều kiện xã hội của đời sống đương đại. Giddens cho rằng trong xã hội hiện đại muộn, khi các cấu trúc truyền thống suy yếu, cá nhân phải tự xây dựng và quản lý đời sống của mình nhiều hơn trước, từ đó trách nhiệm cá nhân cũng trở nên nổi bật hơn (Giddens, 1991). Perriam và Carter tiếp tục phát triển hướng tiếp cận này khi

chỉ ra rằng công nghệ số có thể làm thay đổi cách trách nhiệm được phân bổ trong các quan hệ xã hội và trong đời sống thường nhật (Perriam & Carter, 2021). Ở bình diện chính trị - xã hội, Ceccarini phân tích trách nhiệm trong mối liên hệ với công dân tính số và các hình thức tham gia chính trị thông qua truyền thông mạng (Ceccarini, 2021). Từ góc nhìn lý thuyết vĩ mô, Nassehi cho rằng xã hội số vận hành thông qua các hệ thống xử lý dữ liệu và nhận dạng mẫu hình, khiến cho việc xác định ai chịu trách nhiệm cho một hành động trở nên khó khăn hơn (Nassehi, 2024). Các nghiên cứu thực nghiệm cũng cho thấy những yếu tố như ẩn danh, quấy rối hay bạo lực ngôn từ trong môi trường trực tuyến có thể làm suy giảm ý thức chịu trách nhiệm của cá nhân trong giao tiếp trực tuyến (Graham et al., 2024). Tuy vậy, phần lớn các nghiên cứu này tập trung mô tả điều kiện xã hội của hành vi mà chưa đi sâu vào cơ sở triết học của trách nhiệm cá nhân.

*Thứ ba, hướng tiếp cận hiện sinh* đặt trách nhiệm cá nhân trong mối quan hệ trực tiếp với tự do lựa chọn của con người. Trong triết học của Jean-Paul Sartre, con người không được xác định sẵn bởi một bản chất cố định mà phải tự định hình mình thông qua những lựa chọn trong đời sống. Vì vậy, mỗi lựa chọn đều gắn với trách nhiệm đối với hệ quả của hành động (Sartre, 2021). Từ lập trường này, trách nhiệm không chỉ được hiểu như nghĩa vụ do các chuẩn mực xã hội áp đặt, mà trước hết là hệ quả của khả năng lựa chọn và hành động của con người (Pardosi, 2025). Cách tiếp cận này mở ra khả năng phân tích trách nhiệm cá nhân từ góc nhìn triết học về chủ thể tự do. Ở khía cạnh phân tích phê bình về truyền thống hiện sinh và hiện tượng học, Olafson cho rằng trách nhiệm trong nhiều cách diễn giải thường được nhấn mạnh ở khía cạnh trung thực nội tâm, trong khi mối quan hệ giữa cá nhân và người khác chưa được phân tích đầy đủ (Olafson, 2006). Các nghiên cứu gần đây tiếp tục mở rộng cách tiếp cận này khi xem trách nhiệm hiện sinh như một năng lực được hình thành thông qua trải nghiệm và sự tự phản tư của cá nhân trong đời sống (Veide, 2021). Từ góc nhìn này, trách nhiệm không chỉ là một nguyên tắc triết học mà còn là một thực hành gắn với cách con người hiểu và định hướng hành động của mình. Bên cạnh đó, May đề xuất khái niệm trách nhiệm chia sẻ nhằm mở rộng phạm vi trách nhiệm cá nhân sang các quan hệ cộng đồng (May, 1996).

Ba hướng tiếp cận trên cung cấp những nền tảng bổ sung cho việc nghiên cứu trách nhiệm cá nhân trong bối cảnh xã hội số. Tuy nhiên, sự liên kết giữa bình diện lựa chọn của chủ thể tự do và các điều kiện trung gian hóa của môi trường số vẫn chưa được tích hợp thành một phân tích thống nhất. Chính tại điểm giao thoa này, vấn đề trách nhiệm cần được tái đặt từ lập trường hiện sinh, nhằm khảo sát cách thức con người hiểu và đảm nhận lựa chọn của mình trong điều kiện hành động bị gián tiếp hóa và phân tán bởi công nghệ. Phần tiếp theo sẽ xác lập rõ khung khái niệm mà bài viết sử dụng để triển khai hướng phân tích này.

## **2.2. Khung lý thuyết**

Bài viết sử dụng chủ nghĩa hiện sinh làm khung phân tích để tiếp cận trách nhiệm cá nhân từ góc độ tồn tại con người. Theo quan điểm này, trách nhiệm không chỉ là chuẩn mực đạo đức áp đặt sau hành vi hay hậu quả pháp lý của lựa chọn, mà là yếu tố gắn liền với hành động tự do. Khi lựa chọn, con người không chỉ quyết định cách hành động mà còn khẳng định mình là người chịu trách nhiệm chính cho lựa chọn đó. Quan điểm của

Jean-Paul Sartre cho rằng con người tự định nghĩa mình thông qua hành động là cơ sở triết học quan trọng cho cách tiếp cận này (Sartre, 2021).

Từ lập trường hiện sinh, khung lý thuyết của bài viết được triển khai thông qua ba khái niệm chính: tự do, tính lịch thời (tính thời gian) và phản tư (tự phản ánh). Ba khái niệm này giúp phân tích trách nhiệm không chỉ như một quy tắc cần tuân thủ, mà như một phần trải nghiệm sống có thể bị củng cố hoặc suy yếu tùy theo điều kiện xã hội.

*Thứ nhất, tự do là điều kiện làm cho trách nhiệm trở nên tất yếu.* Trong chủ nghĩa hiện sinh, tự do không phải là khả năng lựa chọn tùy ý, mà là đặc tính nền tảng của tồn tại con người, theo đó, mỗi lựa chọn đều đồng thời xác lập chủ thể là tác giả của hành động. Trách nhiệm vì thế không phải hệ quả bổ sung, mà là hệ quả tất yếu của tự do. Trong môi trường số, các hình thức ẩn danh và sự phân tán của hành vi có thể làm suy yếu kinh nghiệm về vai trò tác giả, từ đó làm gián đoạn mối liên hệ giữa tự do và trách nhiệm.

*Thứ hai, trách nhiệm gắn với tính lịch thời của tồn tại.* Hành động của con người không chỉ diễn ra trong hiện tại mà luôn gắn với dự phóng tương lai và với cách chủ thể hiểu về chính mình trong tính liên tục của thời gian. Khi lựa chọn được thiết lập trong một cam kết kéo dài, trách nhiệm vì vậy được củng cố như sự ràng buộc của chủ thể đối với chính mình. Trong môi trường số, các hình thức tương tác mang tính tức thời làm suy yếu chiều kích này, khi hành vi bị tách khỏi dự phóng dài hạn và khỏi ý nghĩa tự định hình.

*Thứ ba, trách nhiệm đòi hỏi năng lực phản tư,* tức khả năng của chủ thể trong việc tự quy chiếu và đánh giá hành động của mình theo các giá trị đã chọn. Khi thiếu phản tư, hành động dễ bị cuốn theo khuôn mẫu sẵn có và mất khả năng tự phê phán (Veide, 2021). Trong môi trường số, các cơ chế định hướng nội dung, xu hướng đồng thuận làm suy giảm khả năng duy trì khoảng cách phê phán, từ đó hạn chế năng lực phản tư như một điều kiện của trách nhiệm.

Từ ba khái niệm trên, khung hoảng trách nhiệm cá nhân trong xã hội số có thể được hiểu như sự lệch pha giữa cấu trúc hiện sinh của trách nhiệm, gắn với tự do, tính liên tục thời gian và năng lực phản tư với các điều kiện hành động thực tế trong môi trường số. Vấn đề vì thế không chỉ nằm ở sự biến đổi của công nghệ, mà ở cách con người trải nghiệm và đảm nhận tự do của mình trong những điều kiện đó.

Cần phân biệt giữa trách nhiệm cá nhân trong xã hội số và khung hoảng trách nhiệm hiện sinh. Khái niệm thứ nhất thường được tiếp cận ở bình diện chuẩn tắc hoặc xã hội học, liên quan đến việc cá nhân có thực hiện nghĩa vụ hay không trong các tương tác trực tuyến. Ngược lại, khung hoảng trách nhiệm hiện sinh chỉ một cấp độ sâu hơn, trong đó chính khả năng của chủ thể trong việc nhận mình là tác giả của hành động bị suy yếu. Nếu khái niệm thứ nhất liên quan đến nội dung của trách nhiệm, thì khái niệm thứ hai liên quan đến điều kiện khả thể để trách nhiệm có thể được kinh nghiệm như một chiều kích của tồn tại.

Trong bài viết này, triết học hiện sinh được sử dụng như khung phân tích trung tâm nhằm xác lập ý nghĩa của trách nhiệm ở cấp độ tồn tại của chủ thể. Các lý thuyết xã hội đương đại về xã hội số không được sử dụng như những hệ quy chiếu cạnh tranh, mà như những nguồn mô tả bối cảnh, qua đó làm rõ các điều kiện trong đó kinh nghiệm

hiện sinh của trách nhiệm bị biến đổi. Sự kết hợp này không nhằm tích hợp các hệ thống lý thuyết khác nhau, mà nhằm đặt phân tích hiện sinh vào trong điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của đời sống số.

### **2.3. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết được thực hiện theo hướng nghiên cứu lý thuyết, kết hợp phân tích khái niệm trong triết học hiện sinh với tổng hợp và đối chiếu các nghiên cứu liên ngành về xã hội số. Mục tiêu của cách tiếp cận này là làm rõ nội hàm khái niệm trách nhiệm từ lập trường hiện sinh, đồng thời đặt khái niệm này vào bối cảnh biến đổi của điều kiện hành động trong đời sống đương đại.

Về mặt phương pháp luận, phân tích được triển khai thông qua ba thao tác chính. Thứ nhất, xác lập nội hàm khái niệm trách nhiệm trong mối liên hệ với tự do và lựa chọn. Thứ hai, tái kiến giải mối quan hệ này nhằm làm rõ trách nhiệm như một chiều kích của tồn tại, thay vì như một chuẩn tắc bên ngoài. Thứ ba, đối chiếu các khái niệm đã xác lập với điều kiện hành động trong môi trường số để nhận diện những biến đổi trong cách trách nhiệm được kinh nghiệm.

Nghiên cứu không nhằm kiểm chứng giả thuyết thực nghiệm, mà hướng tới việc làm rõ ý nghĩa khái niệm và điều kiện khả thể của trách nhiệm trong bối cảnh xã hội số.

### **3. Kết quả và thảo luận**

Phần phân tích dưới đây triển khai ba trục khái niệm đã được xác lập trong khung lý thuyết, bao gồm tự do, tính lịch thời và năng lực phản tư, nhằm làm rõ cách mà các điều kiện của xã hội số tác động đến kinh nghiệm trách nhiệm của chủ thể. Theo đó, phân tích tập trung vào sự biến đổi trong khả năng quy chiếu hành động về chủ thể, sự gián đoạn của chiều kích thời gian trong trách nhiệm và những hạn chế đối với năng lực phản tư trong môi trường tương tác số.

#### **3.1. Xã hội số và bối cảnh hình thành vấn đề trách nhiệm**

Từ các nghiên cứu của các học giả về xã hội số có thể hiểu đây được xem là giai đoạn mà công nghệ số trở thành môi trường trung gian thiết yếu của các quan hệ xã hội. Plummer nhận định rằng từ đầu thế kỷ XXI, đời sống xã hội đã bước vào trạng thái “truyền thông hóa sâu”, khi các thiết chế và hoạt động thường nhật ngày càng được tổ chức và vận hành thông qua hệ thống truyền thông số (Plummer, 2022: 72). Công nghệ số vì thế không chỉ tăng tốc độ hay phạm vi giao tiếp, mà còn tham gia trực tiếp vào cách thức hành động được hình thành và thực hiện.

Một đặc trưng nổi bật của giai đoạn này là sự hòa quyện ngày càng chặt chẽ giữa đời sống con người và hệ thống kỹ thuật. Plummer mô tả hiện tượng ấy như sự “hòa lẫn giữa đời sống tự nhiên và đời sống máy” (Plummer, 2022: 72). Trong bối cảnh đó, nhiều hành động xã hội diễn ra qua nền tảng số, giao diện người dùng và hạ tầng dữ liệu. Mối quan hệ giữa chủ thể, hành vi và hệ quả vì vậy không còn trực tiếp như trong tương tác mặt đối mặt. Hành động cá nhân thường nằm trong chuỗi xử lý dữ liệu và khuếch đại thông tin mà chính chủ thể khó quan sát toàn bộ.

Về mặt khái niệm, Katzenbach và Bächle nhấn mạnh rằng xã hội số không thể được nắm bắt bằng một định nghĩa duy nhất; mỗi khái niệm chỉ là một “thấu kính phân tích” làm nổi bật những khía cạnh khác nhau của hiện tượng (Katzenbach & Bächle, 2019).

Trong phạm vi bài viết này, xã hội số được tiếp cận qua ba tiến trình có tác động trực tiếp đến hành động cá nhân: dữ liệu hóa, nền tảng hóa và giám sát - những tiến trình định hình cách hành động được ghi nhận, lưu trữ và xử lý trong môi trường số.

Phân tích của Zuboff về chủ nghĩa tư bản giám sát chứng minh rằng dữ liệu hành vi đã trở thành nguồn tài nguyên cốt lõi trong nền kinh tế số, được khai thác có hệ thống để dự báo và định hướng hành vi tương lai (Zuboff, 2019: 8). Trên cơ sở đó, Elliott và cộng sự phân biệt hai tầng hoạt động của nền tảng số: “bối cảnh biểu hiện” và “bối cảnh ngầm” (Elliott et al., 2021). Ở tầng biểu hiện, cá nhân trải nghiệm tương tác và lựa chọn qua giao diện. Ở tầng ngầm, dữ liệu hành vi được thu thập và xử lý bởi các thuật toán theo quy trình ít minh bạch hơn.

Sự phân tách này làm nổi bật một đặc điểm then chốt của hành động trong xã hội số: hành động được thực hiện ở tầng trải nghiệm cá nhân, nhưng nhiều điều kiện định hình và mở rộng hệ quả lại nằm ở tầng kỹ thuật. Khoảng cách giữa hai tầng khiến mối liên hệ giữa lựa chọn cá nhân và hệ quả trở nên khó nhận diện, đồng thời tạo điều kiện để trách nhiệm bị dịch chuyển sang hoàn cảnh kỹ thuật hoặc cơ chế vận hành của nền tảng.

Ở bình diện đạo đức và quản trị, Floridi và Taddeo nhấn mạnh nhu cầu xây dựng các cơ chế điều tiết và chuẩn mực mới để đảm bảo tính ổn định của hệ sinh thái số (Floridi & Taddeo, 2025). Tuy nhiên, vấn đề trách nhiệm không chỉ giới hạn ở việc tuân thủ quy định bên ngoài mà trở thành một câu hỏi nhận thức luận về việc cá nhân ý thức được rằng dù mọi hành động diễn ra qua các hệ thống trung gian kỹ thuật nhưng bản thân con người vẫn chính là nguồn gốc trực tiếp của mọi quyết định.

Từ các phân tích trên, có thể thấy xã hội số không chỉ mở rộng phạm vi hành động xã hội mà còn biến đổi căn bản điều kiện thiết lập mối liên hệ giữa chủ thể, hành vi và hệ quả. Chính sự biến đổi này tạo nên bối cảnh khiến vấn đề trách nhiệm cá nhân trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi phải được xem xét lại từ góc nhìn triết học hiện sinh. Từ góc độ hiện sinh, những biến đổi này không chỉ làm thay đổi bối cảnh hành động, mà trực tiếp tác động đến mối liên hệ nội tại giữa tự do, lựa chọn và trách nhiệm của chủ thể.

### ***3.2. Từ hiện diện hiện sinh đến hiện diện kỹ thuật số: Biến đổi điều kiện bản thể luận của trách nhiệm***

Sự chuyển dịch từ hiện diện hiện sinh sang hiện diện kỹ thuật số không chỉ biểu thị một biến đổi trong phương thức giao tiếp hay hình thức tương tác trung gian, mà trước hết hàm ý một thay đổi ở cấp độ điều kiện tồn tại của con người với tư cách chủ thể hành động. Từ lập trường hiện sinh, sự chuyển dịch này cần được hiểu như sự biến đổi trong điều kiện cho phép chủ thể kinh nghiệm mối liên hệ nội tại giữa tự do, lựa chọn và trách nhiệm. Trên cơ sở đó, nó đồng thời tác động đến ba chiều kích cấu thành trách nhiệm hiện sinh: khả năng quy chiếu hành động về chủ thể tự do, tính liên tục thời gian của lựa chọn và năng lực phản tư của cá nhân. Hệ quả là nền tảng bản thể luận của trách nhiệm hiện sinh bị suy yếu, khi hiện hữu không còn được kinh nghiệm như một dự phóng thống nhất của chủ thể tự do mà chuyển thành một dạng hiện diện bị phân mảnh, dữ liệu hóa và được trung gian hóa bởi các hệ thống kỹ thuật.

Trong triết học hiện sinh, hiện diện con người là kiểu tồn tại “thuộc về tôi”, một hiện diện không thể thay thế, không thể chuyên giao. Hiện hữu không phải trạng thái

trung tính mà là cách “ở-trong-thế-giới” buộc cá nhân phải tự trả lời cho chính sự tồn tại của mình. Heidegger nhấn mạnh Dasein<sup>1</sup> là hữu thể luôn là “chính tôi”, và sự hiện hữu này luôn thuộc về tôi (Heidegger, 1962: 78). Tính “thuộc về mình” này mang yêu sách bản thể luận về trách nhiệm: không ai có thể gánh thay sự tồn tại hay chịu trách nhiệm thay cho lựa chọn của tôi.

Tuy nhiên, trong xã hội số, hiện diện con người bị tái cấu trúc theo logic môi trường thông tin. Floridi mô tả con người trở thành “cá thể thông tin” (inforgs), tức những hữu thể nhúng vào infosphere và hiện thân qua dữ liệu: “Chúng ta đang dần chấp nhận rằng mình không phải thực thể Newton độc lập, mà là sinh vật hiện thân bằng thông tin, kết nối và nhúng vào môi trường thông tin” (Floridi, 2013: 14). Trong trạng thái này, hiện hữu không còn là dự phóng nhân vị mà trở thành hiện diện chức năng trong mạng lưới, làm mờ tính “thuộc về mình” và pha loãng trách nhiệm.

Xã hội số tái định hình không gian-thời gian của hiện hữu. Trong xã hội tiền số, hiện diện hiện sinh dựa chủ yếu vào tương tác mặt đối mặt, nơi “ở đây và bây giờ” đảm bảo dần thân thân thể và tính không thể thay thế của kinh nghiệm sống. Ngược lại, công nghệ số tạo hiện diện “ở đó và bây giờ”, cho phép tham dự từ xa nhưng tách rời khỏi vị trí cụ thể và bối cảnh hiện sinh trực tiếp (Zhao, 2006). Sự dịch chuyển này dẫn đến cái tôi bị chia cắt: luôn kết nối nhưng rơi vào “đứng im cuồng loạn”, khi tốc độ thông tin tăng vọt làm thu hẹp kinh nghiệm thân thể và chiều sâu hiện sinh. Turkle mô tả đây là “hình thái cái tôi mới, bị chia tách giữa màn hình và thực tại vật lý, nối kết sự tồn tại qua công nghệ” (Turkle, 2011: 16). Trong điều kiện đó, cấu trúc trách nhiệm gắn với tự do, như triết học hiện sinh thiết lập rơi vào căng thẳng. Sartre khẳng định con người chỉ là những gì họ tự tạo ra và không có bảo đảm siêu hình nào để trốn tránh trách nhiệm (Sartre, 2021). Mọi quy chiếu hành vi cho hoàn cảnh hay cơ chế đều là ngụy tín, tức là hành động tự phủ nhận tư cách chủ thể. Hiện diện kỹ thuật số không triệt tiêu tự do nhưng tạo hình thức ngụy tín mới: để ẩn mình sau giao diện, thuật toán và cấu trúc vô danh. Thế giới trực tuyến dù thuyết phục về tính hiện thực, thực chất là hình ảnh méo mó của thực tại (Weiss, 2020: 226). Thuật toán không trung lập mà phản ánh định kiến của người thiết kế (Buolamwini, 2023: 43). Việc viện dẫn “hệ thống” hay “thuật toán” như tác nhân vô danh càng làm suy yếu khả năng tự đảm nhận trách nhiệm.

Tình cảnh của con người là đối lập giữa hiện diện hiện sinh (dự phóng đầy rủi ro của chủ thể tự do trên thực tại duy nhất) và hiện diện kỹ thuật số (tồn tại bị nhân đôi thành dữ liệu) ngày càng trở nên phổ biến. Nassehi gọi đây là “nhân đôi thế giới”, trong đó dữ liệu tái cấu trúc thực tại theo cách khó đọc, phi trực giác và khó kiểm soát (Nassehi, 2024: 53, 97). Khi hiện hữu bị chuyển thành biểu diễn dữ liệu, con người đối mặt nguy cơ mất quyền làm chủ trải nghiệm và trở thành đối tượng của cơ chế dự đoán, điều chỉnh hành vi. Nghịch lý “cô đơn cùng nhau” mà Turkle mô tả minh họa rõ:

---

<sup>1</sup> **Dasein** là thuật ngữ tiếng Đức do Heidegger sử dụng trong **Sein und Zeit - Hữu thể và Thời gian** (1927) để chỉ con người xét như một hữu thể luôn ý thức và bận tâm về chính sự tồn tại của mình. Thuật ngữ này thường được giữ nguyên trong các bản dịch vì không có từ tương đương nào trong các ngôn ngữ khác có thể truyền đạt đầy đủ ý nghĩa triết học đặc thù mà Heidegger gán cho nó.

xây dựng lượng theo dõi trên mạng xã hội nhưng vẫn cảm thấy hoàn toàn cô đơn trong cộng đồng ảo (Turkle, 2011: 11).

Tóm lại, biến đổi trung tâm của xã hội số không nằm ở hành vi riêng lẻ mà ở điều kiện bản thể luận cho phép con người tự hiểu mình như chủ thể tự do và chịu trách nhiệm. Khi hiện hữu bị phân mảnh và trung gian hóa, mối liên hệ nội tại giữa tự do và trách nhiệm trở nên mong manh trước các cơ chế vô danh. Do đó, khủng hoảng trách nhiệm cá nhân cần được tiếp cận như một vấn đề hiện sinh: sự biến đổi trong cách con người tự quy chiếu và gánh vác ý nghĩa hành động của chính mình.

### **3.3. Khủng hoảng trách nhiệm hiện sinh trong xã hội số**

Trong lập trường hiện sinh, tự do, lựa chọn và trách nhiệm không tồn tại như những yếu tố tách biệt, mà cấu thành một quan hệ nội tại. Lựa chọn là phương thức qua đó tự do được hiện thực hóa, còn trách nhiệm là cách chủ thể tự quy chiếu và đảm nhận chính lựa chọn của mình. Theo nghĩa đó, trách nhiệm không phải là hệ quả phát sinh sau hành vi, mà thuộc về chính cấu trúc của hành động tự do, gắn liền với việc chủ thể nhận mình là nguồn gốc của hành động.

Sự phân biệt này cho phép làm rõ khác biệt giữa hai cấp độ khái niệm. Trong khi trách nhiệm cá nhân trong xã hội số thường được tiếp cận ở bình diện chuẩn tắc và hành vi, liên quan đến việc cá nhân có tuân thủ nghĩa vụ hay không trong các tương tác trực tuyến, thì khủng hoảng trách nhiệm hiện sinh được hiểu ở cấp độ sâu hơn, liên quan đến chính khả năng của chủ thể trong việc nhận mình là tác giả của hành động. Vấn đề vì thế không chỉ nằm ở việc hành vi có phù hợp với chuẩn mực hay không, mà ở điều kiện cho phép chủ thể kinh nghiệm hành động của mình như hành động của chính mình.

Trên cơ sở đó, trong phạm vi bài viết này, khủng hoảng trách nhiệm hiện sinh được hiểu như sự lệch pha giữa cấu trúc hiện sinh của trách nhiệm, được xác lập qua mối liên hệ giữa tự do, tính liên tục thời gian và năng lực phản tư, với các điều kiện hành động trong xã hội số. Khủng hoảng không chỉ biểu hiện ở sự suy giảm của các chuẩn mực, mà trước hết ở sự suy yếu trong khả năng của chủ thể nhận mình là nguồn gốc của hành động và duy trì mối liên hệ với hành động trong tính liên tục của thời gian.

Việc phân tích những biến đổi trong điều kiện tồn tại của chủ thể trong xã hội số đã bộc lộ mối liên hệ nội tại giữa tự do, lựa chọn và trách nhiệm không còn được kinh nghiệm như một chỉnh thể thống nhất. Sự lệch pha này không xuất hiện dưới một hình thức đơn nhất, mà triển khai thành các phương diện tương ứng với ba trục khái niệm đã được xác lập. Cụ thể, sự suy giảm khả năng quy chiếu hành động về chủ thể tự do thể hiện qua việc tính nhân vị của hành động bị làm mờ và trách nhiệm bị phân tán trong các điều kiện kỹ thuật; sự hạn chế của năng lực phản tư bộc lộ qua xu hướng đồng dạng vô danh trong quan hệ liên chủ thể; trong khi sự đứt đoạn của chiều kích lịch thời thể hiện ở sự suy giảm khả năng dự phóng tương lai và duy trì cam kết. Trên cơ sở đó, những biến đổi này sẽ được phân tích qua các chiều kích cụ thể.

*Thứ nhất, từ góc độ tự do như khả năng quy chiếu hành động về chủ thể, sự suy giảm tính nhân vị của chủ thể làm gián đoạn năng lực tự quy chiếu vốn là nền tảng của trách nhiệm hiện sinh.*

Trách nhiệm chỉ có thể hình thành khi cá nhân kinh nghiệm bản thân như một hữu thể không thể thay thế trong quá trình lựa chọn và hành động. Kierkegaard từng mô tả điều này qua hình ảnh “cá nhân đơn độc”, mỗi người buộc phải đối diện với những lựa chọn quyết định mà không thể hoàn toàn dựa vào sự bảo đảm từ cộng đồng hay các chuẩn mực phổ quát (Kierkegaard, 1983: 54 - 56). Trước tình thế đó, trách nhiệm gắn liền với nỗi lo âu của tự do, vì mỗi lựa chọn đều đặt cá nhân trước câu hỏi về chính mình.

Một biến đổi khác liên quan đến cách hiện diện của cá nhân trong không gian số. Thay vì xuất hiện chủ yếu như một chủ thể hành động, cá nhân ngày càng được định nghĩa thông qua các chỉ dấu phản hồi như lượt thích, chia sẻ hay bình luận. Theo Beauvoir, thái độ đạo đức chỉ hình thành khi con người chấp nhận đảm nhận sự hiện hữu của mình như một dự án tự do, “từ bỏ khát vọng chiếm hữu thể để đảm nhận sự hiện hữu của mình” (Beauvoir, 2010: 194). Tuy nhiên, trong môi trường kết nối, giá trị của hành vi dễ bị quy giản thành các chỉ số đánh giá công khai. Turkle nhận xét rằng đời sống trực tuyến có xu hướng khuyến khích con người đối xử với nhau theo cách tương tự như với các đối tượng trong hệ thống kỹ thuật (Turkle, 2011: 168). Khi cá nhân tự chấp nhận vị thế của một đối tượng được quan sát và đánh giá, trách nhiệm không còn xuất phát từ sự tự quyết của chủ thể mà dần bị thay thế bởi nhu cầu duy trì hình ảnh trước cộng đồng mạng.

*Thứ hai, ở bình diện năng lực phản tư, đồng thời từ góc độ tự do như khả năng quy chiếu hành động, sự đồng dạng vô danh của bình diện liên chủ thể làm lu mờ tính cá biệt của tác giả hành động.*

Khủng hoảng trách nhiệm không chỉ phát sinh từ đời sống nội tâm mà còn từ sự biến đổi trong các quan hệ hiện hữu-cùng-nhau. Heidegger mô tả hình thái hiện hữu vô danh này qua khái niệm “Cái Họ” (das Man), tức kiểu tồn tại trong đó những chuẩn mực chung của đời sống thường nhật định hình cách con người suy nghĩ và hành động. “Cái Họ” không phải là một chủ thể cụ thể mà là cái mà “mọi người đều là” (Heidegger, 1962: 164). Dưới ảnh hưởng của kiểu hiện hữu này, các phán đoán và lựa chọn thường mang hình thức của sự đồng thuận chung hơn là quyết định của một chủ thể xác định. Khả năng để Dasein quy chiếu hành vi về chính mình vì thế bị suy yếu, khi chủ thể có xu hướng “hòa tan thực thể của mình vào kiểu hiện hữu của những kẻ khác” (Heidegger, 1962: 164). Sartre mô tả kinh nghiệm tương tự qua cảm giác bị hoán đổi dưới ánh nhìn vô danh của Người Khác, khi cá nhân nhận ra mình “có thể hoán đổi cho bất kỳ người lân cận nào” (Sartre, 2021: 558). Khi khả năng bị hoán đổi trở thành kinh nghiệm phổ biến trong đời sống xã hội, hành vi cá nhân không còn được cảm nhận như lựa chọn của một hữu thể đơn nhất mà dễ bị phân tán vào tập thể vô danh.

Trong xã hội số, logic của “Cái Họ” được củng cố bởi các hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới dữ liệu. Ở cấp độ phân tích quyền lực và dữ liệu trong xã hội số, Zuboff gọi cấu trúc quyền lực mới này là “Big Other” - một hệ thống tính toán toàn diện vận hành thông qua các thuật toán và dòng dữ liệu quy mô lớn (Zuboff, 2019: 541). Khác với các hình thức quyền lực truyền thống, cơ chế này không áp đặt hành vi bằng cưỡng bức trực tiếp mà định hình môi trường lựa chọn của cá nhân, khiến trung tâm kiểm soát dần dịch chuyển khỏi ý chí tự do của chủ thể sang các chuẩn mực vận hành vô danh của hệ thống.

Trong bối cảnh đó, trách nhiệm cá nhân ngày càng khó được quy chiếu về một tác giả cụ thể. Nietzsche từng tiên liệu xu hướng này qua hình ảnh “con người cuối cùng”, khi khác biệt nhân vị bị xem như lệch chuẩn và đời sống đạo đức dần thay thế trách nhiệm cá nhân bằng sự tuân thủ (Nietzsche, 2006: 10).

*Thứ ba, từ góc độ tự do như khả năng quy chiếu hành động về chủ thể và trong mối liên hệ với năng lực phản tư, sự phân tán trách nhiệm trong các cấu trúc kỹ thuật của xã hội số làm mờ ranh giới giữa tác giả và hành vi.*

Theo triết học hiện sinh, con người không thể né tránh trách nhiệm đối với thế giới mà mình tham dự. Sartre khẳng định mỗi hành động đều là một lựa chọn mà cá nhân phải “gánh toàn bộ trách nhiệm” (Sartre, 2021: 721). Trách nhiệm vì thế gắn liền với khả năng quy chiếu hành vi về một chủ thể cụ thể. Tuy nhiên, trong xã hội số, điều kiện này ngày càng trở nên phức tạp khi nhiều quyết định được hình thành trong các hệ thống kỹ thuật có sự tham gia của nhiều tầng tác nhân khác nhau.

Các hành động diễn ra trên nền tảng số thường không còn là kết quả của một chủ thể đơn lẻ mà xuất hiện trong một chuỗi tương tác giữa người dùng, nhà thiết kế hệ thống, nhà phát triển thuật toán và các nền tảng trung gian. Khi một quyết định được tạo ra trong cấu trúc nhiều tầng như vậy, việc xác định nguồn gốc trách nhiệm trở nên khó khăn hơn. Floridi nhận xét rằng trong bối cảnh công nghệ, lỗi lầm thường được giải thích như thể đó chỉ là trục trặc của hệ thống kỹ thuật hơn là hệ quả của lựa chọn con người (Floridi, 2013: 58). Sự dịch chuyển cách hiểu này khiến trách nhiệm dễ bị phân tán trong toàn bộ cấu trúc kỹ thuật - xã hội thay vì được quy chiếu rõ ràng về các chủ thể cụ thể.

Từ góc nhìn hiện sinh, cơ chế phân tán trách nhiệm này có thể tạo điều kiện cho một dạng ngụy tín mới. Sartre mô tả ngụy tín như chiến lược mà qua đó chủ thể tìm cách trốn tránh nỗi lo âu của tự do bằng cách phủ nhận vai trò của mình trong hành động (Sartre, 2021: 85). Trong bối cảnh xã hội số, sự phức tạp của các hệ thống kỹ thuật có thể trở thành một lý do thuận tiện để cá nhân xem quyết định như kết quả của “cách hệ thống vận hành”, thay vì thừa nhận sự tham dự của mình trong chuỗi hành động đó. Turkle gọi đây là “khoảnh khắc robot”, khi con người sẵn sàng gán cho các hệ thống kỹ thuật những phẩm chất mà chúng không có để tránh dấn thân vào các quan hệ nhân vị thực sự (Turkle, 2011: 24).

Sự biến đổi này cũng ảnh hưởng đến cách xã hội hiểu về sai lầm và quy trách nhiệm. Nassehi cho rằng khả năng bị quy trách nhiệm và được tha thứ là đặc quyền gắn liền với tính người (Nassehi, 2024: 188). Tuy nhiên, khi các hệ thống kỹ thuật ngày càng hướng tới dự đoán và kiểm soát hành vi, sai lệch thường được diễn giải như sự cố của hệ thống hơn là hệ quả của lựa chọn cá nhân. Trong hoàn cảnh đó, tự do có nguy cơ bị hiểu lại như sự tuân thủ các quy trình được thiết kế sẵn. Zuboff nhận xét rằng cái giá của sự chắc chắn do các hệ thống dự đoán mang lại chính là sự suy giảm khả năng sai lầm - yếu tố vốn gắn liền với tự do ý chí của con người (Zuboff, 2019: 541).

Ở cấp độ rộng hơn, cơ chế phân tán trách nhiệm còn được củng cố khi các chuẩn mực thuật toán được tiếp nhận như những tiêu chuẩn khách quan. Buolamwini chỉ ra rằng nhiều “tiêu chuẩn vàng” trong các hệ thống trí tuệ nhân tạo thực chất tạo ra ảo tưởng về

tính chính xác, trong khi vẫn chứa đựng những thiên lệch cấu trúc (Buolamwini, 2023: 66). Khi các chuẩn này được xem như trung lập và đáng tin cậy, việc phán đoán đạo đức trong từng trường hợp cụ thể dễ bị thay thế bởi sự tuân thủ các quyết định của hệ thống. Trong bối cảnh đó, trách nhiệm cá nhân không biến mất hoàn toàn nhưng trở nên mờ nhạt hơn, bởi nó bị phân tán trong một mạng lưới kỹ thuật - xã hội phức tạp.

*Thứ tư, xét từ chiều kích tính lịch thời của tồn tại, sự suy giảm năng lực dự phóng tương lai làm đứt đoạn chiều kích thời gian của trách nhiệm.*

Trách nhiệm của con người không chỉ phát sinh từ hành vi đang diễn ra mà còn từ khả năng định hướng cuộc đời trong thời gian. Hành động hiện tại luôn gắn với một hình dung về tương lai mà cá nhân hướng tới và sẵn sàng cam kết với nó. Sartre diễn đạt điều này khi cho rằng con người tồn tại như một hữu thể phải trở thành chính mình, bởi “tương lai là cái tôi phải là” (Sartre, 2021: 187). Vì vậy, mỗi lựa chọn không chỉ là phản ứng trước hoàn cảnh trước mắt mà còn mang ý nghĩa như một bước đi trong quá trình tự hình thành của chủ thể.

Trong xã hội số, mối liên hệ giữa hành động và dự phóng tương lai có xu hướng suy yếu khi việc định hình tương lai ngày càng được chuyển giao cho các hệ thống dữ liệu và cơ chế dự đoán hành vi. Zuboff mô tả sự chuyển dịch này như sự thay đổi từ “Tôi sẽ” sang “Bạn sẽ”, tức từ quyết định của chủ thể sang những dự báo do hệ thống tính toán (Zuboff, 2019: 354). Khi tương lai được mô tả như một tập hợp các xác suất hành vi có thể dự đoán, hành động hiện tại dễ bị hiểu như sự điều chỉnh theo các mô hình dự báo hơn là như một sự tự cam kết.

Nhịp độ tăng tốc của đời sống số càng làm xu hướng này rõ nét hơn. Các nền tảng kỹ thuật khuyến khích những phản hồi nhanh và liên tục, khiến nhiều quyết định được đưa ra trong trạng thái phản ứng tức thời. Rosa gọi hệ quả của quá trình này là sự hình thành của “cái tôi tức thời”, một dạng chủ thể khó duy trì sự liên tục của các dự phóng hiện sinh dài hạn (Rosa, 2013: 147). Khi khả năng hướng tới tương lai bị thu hẹp, kinh nghiệm lựa chọn trong bất định - yếu tố vốn gắn liền với tự do hiện sinh - cũng dần suy giảm. Nietzsche từng cảnh báo về viễn cảnh con người đánh mất khát vọng tự vượt khi “con người không còn phóng mũi tên khoát vượt ra ngoài con người” (Nietzsche, 2006: xix).

Sự suy yếu của năng lực dự phóng tương lai làm cho mối liên hệ giữa hành vi hiện tại và tiến trình tự hình thành của chủ thể trở nên kém ổn định. Zuboff nhận định rằng các hệ thống dự đoán hành vi có xu hướng thay thế năng lực làm tác giả của tương lai bằng trạng thái tuân thủ thường trực (Zuboff, 2019: 382). Khi hành động không còn được gắn với một cam kết mà cá nhân tự ràng buộc mình vào đó, trách nhiệm cũng mất đi chiều kích thời gian vốn làm nên ý nghĩa của nó. Sartre từng cảnh báo rằng nếu con người bị “nhốt trong hòn đảo tức thời của hiện tại”, mọi phương thức tồn tại sẽ bị thu hẹp vào một hiện tại vĩnh viễn (Sartre, 2021: 165).

Trong bối cảnh đó, khủng hoảng trách nhiệm hiện sinh không chỉ có thể được nhận diện qua các biến đổi ở cấp độ khái niệm, mà còn biểu hiện qua những dạng kinh nghiệm cụ thể của chủ thể trong đời sống số. Trước hết, hành động ngày càng được thực hiện trong trạng thái gián đoạn về quy chiếu, khi cá nhân khó duy trì mối liên hệ ổn định

giữa lựa chọn của mình và hệ quả của nó trong một chuỗi thời gian có ý nghĩa. Tiếp đó, trách nhiệm có xu hướng bị hòa tan vào các dạng đồng thuận vô danh, trong đó hành vi không còn được kinh nghiệm như quyết định của một chủ thể xác định mà như sự lặp lại các khuôn mẫu phổ biến. Đồng thời, các phản ứng tức thời và phân tán làm suy yếu khả năng hình thành cam kết, khiến hành động bị tách khỏi chiều kích dự phóng tương lai vốn làm nền tảng cho trách nhiệm. Cuối cùng, việc quy chiếu nguyên nhân của hành vi sang các hệ thống kỹ thuật hoặc cơ chế thuật toán làm gia tăng xu hướng né tránh trách nhiệm, khi chủ thể không còn nhận mình là nguồn gốc trực tiếp của lựa chọn. Những biểu hiện này cho thấy khủng hoảng trách nhiệm không chỉ là sự suy giảm chuẩn mực, mà là sự biến đổi trong chính cách con người kinh nghiệm và đảm nhận hành động của mình.

Những biểu hiện khủng hoảng trách nhiệm trong bối cảnh xã hội số không chỉ đặt ra thách thức cho nhận thức triết học về bản thể con người mà còn cho các nỗ lực xây dựng những nền tảng đạo đức mới phù hợp với điều kiện tồn tại đương đại. Vì vậy, việc tái khẳng định trách nhiệm cá nhân trong bối cảnh số đòi hỏi phải nhận diện lại mối liên hệ giữa tự do, hành động và dự phóng hiện sinh, đồng thời tìm kiếm những hình thức tổ chức xã hội và công nghệ có thể duy trì không gian cho sự tự quyết và cam kết của con người.

#### ***3.4. Tái xác lập ý nghĩa của trách nhiệm trong điều kiện số***

Sự phát triển của xã hội số không thể được xem như lý do biện minh cho việc chuyển giao trách nhiệm cá nhân cho các hệ thống kỹ thuật hay thuật toán. Ngược lại, khi các nền tảng số ngày càng tham gia sâu vào quá trình hình thành hành vi và lựa chọn của con người, vấn đề trách nhiệm cần được xem xét lại như một điều kiện nền tảng của tự do cá nhân. Điều này đòi hỏi phải hiểu trách nhiệm không chỉ như sự tuân thủ các quy tắc sẵn có, mà như khả năng của chủ thể trong việc nhận mình là nguồn gốc của hành động và ý nghĩa mà hành động đó tạo ra.

Theo quan điểm hiện sinh, trách nhiệm không phải là một thuộc tính cố định của cá nhân mà là một thực hành liên tục, được khẳng định trong mỗi lựa chọn. Sartre cho rằng con người “thừa kế tự do”, nhưng tự do ấy không tồn tại như một di sản bất biến; nó phải được tái chiếm lĩnh trong từng thế hệ và trong từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể (Sartre, 2021: 521). Trong bối cảnh xã hội số, yêu cầu này trở nên cấp thiết hơn khi các cơ chế dự đoán hành vi, phân tích dữ liệu và điều hướng thông tin có khả năng định hình lựa chọn cá nhân. Zuboff (2019) khẳng định những hệ thống này không chỉ kiểm soát dữ liệu mà còn có thể can thiệp vào cách con người hiểu và định hướng tương lai của mình. Khi đó, nguy cơ không chỉ nằm ở việc mất quyền kiểm soát thông tin, mà còn ở việc suy giảm khả năng “nói ở ngôi thứ nhất”, tức khả năng tự gắn mình với ý nghĩa của hành động.

Trong điều kiện đó, việc tái xác lập trách nhiệm hiện sinh trước hết đòi hỏi chủ thể từ chối đồng nhất bản thân với các mô hình hành vi có thể dự đoán. Beauvoir nhấn mạnh, con người chỉ thực sự tồn tại như một chủ thể khi không để mình hòa tan vào sự lặp lại thuần túy của đời sống (Beauvoir, 2010: 74). Khả năng vượt thoát khỏi các

khuôn mẫu lặp lại chính là điều làm cho lựa chọn mang ý nghĩa đạo đức. Trong xã hội số, các thuật toán thường khuyến khích những hành vi có tính lặp lại và có thể dự báo, trách nhiệm hiện sinh vì thế không nằm ở việc duy trì một bản ngã bất biến, mà ở việc bảo vệ khả năng vượt ra khỏi các mô hình hành vi đã được chuẩn hóa.

Quá trình này cũng gắn liền với năng lực tự vấn của chủ thể. Camus gọi trạng thái ý thức này là “sự nổi loạn”, hiểu như thái độ không ngừng đặt câu hỏi đối với chính mình và đối với thế giới (Camus, 1955: 27). Trong đời sống số, ý nghĩa của sự nổi loạn không phải là phủ nhận công nghệ, mà là từ chối để các hệ thống kỹ thuật thay thế hoàn toàn khả năng phán đoán và tự phản tư của con người. Trách nhiệm hiện sinh vì vậy không phải là đạt đến sự minh bạch tuyệt đối, mà là duy trì sự tỉnh thức trước các điều kiện đang định hình hành động của mình.

Ở cấp độ rộng hơn, việc tái khẳng định trách nhiệm cá nhân cũng liên quan đến vai trò của con người trong việc định hình các hệ thống kỹ thuật. Floridi và Taddeo (2025) chỉ ra con người cần chuyển từ vị thế “người dùng” thụ động sang vai trò “người quản gia của thực tại thông tin”, tức chủ động tham gia vào việc thiết kế và điều chỉnh các hệ thống kỹ thuật theo những nguyên tắc đạo đức. Theo hướng này, Kefi (2015) nhấn mạnh trách nhiệm hiện sinh trong xã hội số được thể hiện qua ba yếu tố: khả năng phản tư trước hành động, định hướng hành vi hướng tới lợi ích chung và sự dấn thân vào việc kiến tạo một không gian thông tin công bằng. Yêu cầu tái khẳng định trách nhiệm của con người trước sự “đổ bộ” của xã hội số cũng đồng thời bác bỏ việc gán tư cách chủ thể đạo đức cho trí tuệ nhân tạo (AI). Như Bryson (2020) lập luận, các hệ thống AI chỉ tồn tại nhờ thiết kế của con người và vì những mục đích do con người xác định. Vì vậy, việc chuyển giao trách nhiệm đạo đức cho máy móc không chỉ là sai lầm về mặt nhận thức mà còn phản ánh xu hướng né tránh nghĩa vụ đạo đức của chính con người. Trách nhiệm đạo đức luôn đòi hỏi khả năng tự quy chiếu và kinh nghiệm tự do, những điều mà hệ thống kỹ thuật không thể có.

Từ góc độ thực tiễn, việc tái khẳng định trách nhiệm cá nhân trong xã hội số cũng bao gồm bảo vệ tính toàn vẹn của bản sắc và lịch sử cá nhân trong môi trường dữ liệu. Các nghiên cứu được tổng hợp bởi Floridi và Taddeo (2025) đề cập đến việc thao túng hoặc bóp méo dữ liệu cá nhân không chỉ gây thiệt hại vật chất mà còn ảnh hưởng đến danh dự và quyền nhân thân của cá nhân. Kernighan (2017) cảnh báo rằng thông tin cá nhân có thể tồn tại gần như vô thời hạn trong môi trường số và có thể được sử dụng lại trong những bối cảnh gây bất lợi cho cá nhân. Do đó, bảo vệ tính chính trực của dữ liệu cá nhân không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay pháp lý, mà còn liên quan trực tiếp đến khả năng của cá nhân trong việc duy trì tính liên tục của dự phóng cuộc đời. Fuchs (2022) tái khẳng định trách nhiệm hiện sinh là một cuộc trở dậy thực hành, trong đó con người phải tự nhận mình là “người quản trò” của thực tại số, dám chấp nhận rủi ro của tự do và can đảm dấn thân vào các cuộc đấu tranh nhằm đảm bảo công nghệ phục vụ sự thăng hoa của toàn nhân loại thay vì lợi ích nhóm thiểu số.

Nhìn chung, trách nhiệm cá nhân trong xã hội số không thể được giản lược thành việc tuân thủ các quy định pháp lý hay quản lý rủi ro công nghệ. Nó trước hết là sự

khẳng định liên tục của chủ thể đối với vị thế tác giả của hành động và ý nghĩa mà hành động đó tạo ra. Khi con người từ chối bị gián lược thành những dấu vết dữ liệu có thể dự đoán và tiếp tục nhận mình là nguồn gốc của lựa chọn, trách nhiệm hiện sinh mới được duy trì trong điều kiện của đời sống số.

#### **4. Kết luận**

Bài viết đề xuất một cách tiếp cận về trách nhiệm cá nhân trong xã hội số từ lập trường triết học hiện sinh, qua đó tái định vị trách nhiệm không như một chuẩn tắc đạo đức hay pháp lý, mà như một chiều kích gắn liền với hành động tự do của chủ thể. Trong khung phân tích này, trách nhiệm không phải là hệ quả phát sinh sau hành vi, mà thuộc về chính cấu trúc của lựa chọn, gắn với khả năng của cá nhân trong việc nhận mình là nguồn gốc của hành động và duy trì mối liên hệ với hành động trong tính liên tục của thời gian.

Từ góc nhìn đó, bài viết cho thấy khung hoảng trách nhiệm trong xã hội số không thể được giải thích đầy đủ nếu chỉ đặt ở bình diện suy giảm chuẩn mực hay thiếu hụt cơ chế điều tiết. Vấn đề cốt lõi nằm ở sự biến đổi trong những điều kiện cho phép hành động được kinh nghiệm như hành động của một chủ thể. Khi các hình thức tương tác ngày càng bị trung gian hóa bởi công nghệ, mối liên hệ nội tại giữa tự do, lựa chọn và trách nhiệm không còn được duy trì như một chỉnh thể thống nhất, mà trở nên mong manh trước các cơ chế vô danh, phân tán và gia tốc của môi trường số.

Sự phân biệt giữa trách nhiệm cá nhân trong xã hội số và khung hoảng trách nhiệm hiện sinh cho phép làm rõ cấp độ của vấn đề mà bài viết hướng tới. Nếu cách tiếp cận thứ nhất tập trung vào việc cá nhân có thực hiện nghĩa vụ trong các tương tác trực tuyến hay không, thì cách tiếp cận thứ hai đặt vấn đề ở điều kiện cho phép chủ thể nhận mình là tác giả của hành động. Theo nghĩa đó, khung hoảng trách nhiệm không chỉ là sự suy giảm của chuẩn mực, mà là sự biến đổi trong chính khả năng kinh nghiệm trách nhiệm như một chiều kích của tồn tại.

Về mặt lý thuyết, bài viết góp phần mở rộng khung phân tích của triết học hiện sinh vào bối cảnh xã hội số, bằng cách đặt các khái niệm như tự do, lựa chọn và trách nhiệm vào trong những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của môi trường dữ liệu và thuật toán. Các luận điểm của Sartre về mối liên hệ giữa tự do và trách nhiệm, của Heidegger về hình thái hiện hữu vô danh, của Kierkegaard về tính đơn độc trong lựa chọn, hay của Beauvoir và Camus về chiều kích đạo đức và phản tư của hành động, đều dựa trên giả định rằng con người có khả năng quy chiếu hành vi về chính mình. Phân tích trong bài viết cho thấy chính những điều kiện nền tảng này đang bị biến đổi trong xã hội số, khi các cấu trúc kỹ thuật không chỉ trung gian hóa hành động mà còn can thiệp vào cách hành động được kinh nghiệm và hiểu. Trong bối cảnh đó, những hiện tượng như quyền lực dự báo, gia tốc xã hội hay các chuẩn mực thuật toán không chỉ là vấn đề xã hội học hay đạo đức học ứng dụng, mà còn đặt ra câu hỏi ở cấp độ hiện sinh về khả năng của con người trong việc tiếp tục nhận mình là chủ thể của hành động.

Từ những phân tích trên, bài viết cho rằng trách nhiệm không nên được xem như một thuộc tính cố định của cá nhân, mà như một quan hệ động giữa con người và hành vi của chính mình, được trải nghiệm trong chiều kích thời gian. Khi quan hệ này bị

trung gian hóa quá mức bởi các cơ chế kỹ thuật, việc quy chiếu hành động có xu hướng bị phân tán vào các cấu trúc phi nhân xung, qua đó làm suy yếu nền tảng của trách nhiệm. Khủng hoảng trách nhiệm vì thế không chỉ là vấn đề cá nhân, mà mang tính cấu trúc, gắn liền với những điều kiện xã hội và công nghệ đang định hình lại cách con người hiểu về chính mình.

Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số giới hạn. Trước hết, các lập luận chủ yếu dựa trên phân tích khái niệm và khảo cứu lý thuyết, chưa được kiểm chứng bằng dữ liệu thực nghiệm về hành vi trong môi trường số. Thứ hai, khung phân tích được xây dựng chủ yếu từ truyền thống hiện sinh châu Âu, chưa đặt trong đối thoại đầy đủ với các hệ tư tưởng khác. Cuối cùng, bài viết chưa đi sâu vào các điều kiện kinh tế, pháp lý và chính trị của hạ tầng kỹ thuật số, những yếu tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến cách trách nhiệm được phân bổ và thực hành.

Từ những giới hạn đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể kết hợp phân tích hiện sinh với các phương pháp thực nghiệm và liên ngành, nhằm làm rõ hơn cách các cấu trúc công nghệ cụ thể định hình kinh nghiệm trách nhiệm của con người, cũng như khả năng duy trì những điều kiện cho phép hành động có thể được kinh nghiệm như hành động của một chủ thể trong xã hội số.

#### Tài liệu tham khảo

1. Beauvoir, S. de. (2010). *The Second Sex* (C. Borde & S. Malovany-Chevallier, Trans.). Vintage Books.
2. Bryson, J. J. (Ed.). (2020). *The Oxford Handbook of Ethics of AI*. Oxford University Press.
3. Buolamwini, J. (2023). *Unmasking AI: My Mission to Protect What Is Human in a World of Machines*. Random House.
4. Camus, A. (1955). *The Myth of Sisyphus* (J. O'Brien, Trans.). Alfred A. Knopf.
5. Ceccarini, L. (2021). *The Digital Citizen(ship): Politics and Democracy in the Networked Society*. Edward Elgar Publishing.
6. Elliott, K., Price, R., Shaw, P., Spiliotopoulos, T., Ng, M., Coopamootoo, K., & Van Moorsel, A. (2021). Towards an Equitable Digital Society: Artificial Intelligence (AI) and Corporate Digital Responsibility (CDR). *Society*, 58(3): 179-188.
7. Floridi, L. (2013). *The Ethics of Information*. Oxford University Press.
8. Floridi, L., & Taddeo, M. (Eds.). (2025). *A Companion to Digital Ethics*. John Wiley & Sons.
9. Fuchs, C. (2022). *Digital Humanism: A Philosophy for 21st Century Digital Society*. Emerald Publishing.
10. Giddens, A. (1991). *Modernity and Self-Identity: Self and Society in the Late Modern Age*. Polity Press.
11. Graham, R. S., Humer, S. G., Lee, C. S., & Nagy, V. (Eds.). (2024). *The Routledge International Handbook of Online Deviance*. Routledge.
12. Hassan, R. (2018). Digital, Ethical, Political: Network Time and Common Responsibility. *New Media & Society*, 20(7): 2534-2549.
13. Heidegger, M. (1962). *Being and Time* (J. Macquarrie & E. Robinson, Trans.). Harper & Row.

14. Katzenbach, C., & Bächle, T. C. (2019). Defining concepts of the digital society. *Internet Policy Review*, 8(4). <https://doi.org/10.14763/2019.4.1430>
15. Kefi, H. (Ed.). (2015). *Information Technology Ethics: Concepts and Practices in the Digital World*. Cambridge Scholars Publishing.
16. Kernighan, B. W. (2017). *Understanding the Digital World: What You Need to Know about Computers, the Internet, Privacy, and Security*. Princeton University Press.
17. Kierkegaard, S. (1983). *Fear and Trembling / Repetition* (H. V. Hong & E. H. Hong, Trans.). Princeton University Press.
18. May, L. (1996). *Sharing Responsibility*. University of Chicago Press.
19. Nassehi, A. (2024). *Patterns: Theory of the Digital Society*. Polity.
20. Nietzsche, F. (2006). *Thus Spoke Zarathustra* (A. Del Caro & R. B. Pippin, Eds.). Cambridge University Press.
21. Olafson, F. A. (2006). Freedom and Responsibility. In *A Companion to Phenomenology and Existentialism*. Wiley-Blackwell.
22. Pardosi, M. T. (2025). Freedom and Responsibility in Jean-Paul Sartre's Existentialism: A Philosophical Review. *Satwika: Kajian Ilmu Budaya Dan Perubahan Sosial*, 9(1), 316 - 324.
23. Perriam, J., & Carter, S. (Eds.). (2021). *Understanding Digital Societies*. SAGE Publications.
24. Plummer, K. (2022). *Sociology: The Basics* (3rd ed.). Routledge.
25. Rosa, H. (2013). *Social Acceleration: A New Theory of Modernity* (J. Trejo-Mathys, Trans.). Columbia University Press.
26. Sartre, J.-P. (2021). *Being and Nothingness: An Essay in Phenomenological Ontology* (S. Richmond, Trans.). Atria Books.
27. Turkle, S. (2011). *Alone Together: Why We Expect More from Technology and Less from Each Other*. Basic Books.
28. Veide, M. (2021). Learning Self-Reliance and Responsibility from the Point of View of Existentialism. *Rural Environment. Education. Personality*, 14: 249-256.
29. Weiss, A. (2020). *The Dark Side of Our Digital World: And What You Can Do About It*. Rowman & Littlefield.
30. Zhao, S. (2006). The Internet and the Transformation of the Reality of Everyday Life: Toward a New Analytic Stance in Sociology. *Sociological Inquiry*, 76(4): 458-474. <https://doi.org/10.1111/j.1475-682X.2006.00166.x>
31. Zuboff, S. (2019). *The Age of Surveillance Capitalism: The Fight for the Future of the New Frontier of Power*. Profile Books Ltd.